TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 103/2025/QĐST-HNGĐ	*Càng Long, ngày 09 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Trương Minh T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Thị Ngọc B với anh Trương Minh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị Ngọc B với anh Trương Minh T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Trương Ngọc L, sinh ngày 09/11/2009, Trương Minh D, sinh ngày 21/8/2007 hiện anh T đang nuôi dưỡng. Chị B và anh T tự nguyện thỏa thuận quyền nuôi con cho anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trương Ngọc L, sinh ngày 09/11/2009, Trương Minh D, sinh ngày 21/8/2007. Phù hợp với nguyện vọng của cháu L và cháu D là có nguyện vọng được sống chung với anh T.

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tòa án có giải thích theo quy định tại các Điều 82, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về quyền yêu cầu cấp dưỡng nhưng chị B chưa đặt ra yêu cầu cấp dưỡng các nuôi các con nên Tòa án không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Chị B và anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị B và anh T xác nhận không có, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- *Về án phí sơ thẩm:* chị Nguyễn Thị Ngọc B tự nguyện nộp 150.000đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền BLTU/24 số 0005080, ngày 11 tháng 02 năm 2025 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Hoàn trả cho chị B 150.000đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Trương Minh T không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND thị trấn Càng Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Bá Thi